

Số: 42/BC-THPT

Rạch Giá, ngày 31 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO

Sơ kết học kì I, và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm
Học kì II năm học 2025 – 2026

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

1. Thuận lợi

- Nhà trường đã cụ thể hóa chỉ đạo của tỉnh, Ngành thành các kế hoạch sát hợp với tình hình thực tế trong thực hiện nhiệm vụ năm học và tổ chức thực hiện đạt mục tiêu, yêu cầu.

- Xây dựng cơ cấu tổ chức lớp học phù hợp với điều kiện nhà trường, đáp ứng được như cầu, nguyện vọng của học sinh trong học tập, rèn luyện.

- Thực hiện có hiệu quả đổi mới sinh hoạt chuyên môn; đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá; kết hợp giữa dạy học trực tiếp và dạy học trực tuyến trên nền tảng olm.vn; nề nếp dạy học tiếp tục được duy trì.

2. Khó khăn

- Các yêu cầu thay đổi trong phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong dạy học và quản trị nhà trường tạo ra một số khó khăn cho nhà trường do vẫn còn giáo viên chưa sẵn sàng tiếp cận sự thay đổi.

- Các cơ chế thay đổi về dạy thêm học thêm; dạy học 2 buổi/ngày; cơ chế miễn học phí là thách thức lớn với nhà trường trong việc cân đối ngân sách chi thường xuyên để đảm bảo duy trì và nâng cao chất lượng toàn diện.

- Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy còn thiếu, nhất là trang thiết bị dạy học theo chương trình GDPT 2018. Thiếu phòng thực hành, phòng bộ môn. Quỹ đất hẹp, sân chơi, bãi tập cho học sinh chưa đạt yêu cầu. Nền trường thấp, thường xuyên bị ngập nước trong mùa mưa.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU TRONG HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025 - 2026

1. Công tác nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo

- Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện nhiệm vụ với chủ đề năm học "**Kỷ cương - Sáng tạo - Đột phá - Phát triển**". Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, nề nếp, bảo đảm kỷ cương và chú trọng chất lượng, tạo bước đột phá, phát triển về chất lượng giáo dục.

- Trường đã tổ chức triển khai, quán triệt, cụ thể hóa các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các văn bản liên quan của ngành GDĐT đến toàn thể viên chức và người lao động trong nhà trường. Chủ

động xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường; phân công giáo viên, nhân viên đúng vị trí việc làm, phù hợp với năng lực, sở trường; phát huy tốt vai trò của từng cá nhân, tập thể; quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện.

- Trong học kì I, nhà trường thực hiện đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; tập trung nâng cao chất lượng đại trà các môn học, đa dạng hóa các hình thức giáo dục; khai thác, sử dụng tối đa thiết bị dạy học hiện có; tổ chức dạy học trực tuyến trên nền tảng Olm.vn. Đẩy mạnh chuyển đổi số, năng lực số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lí và dạy học.

- Nhà trường làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng đạo đức, lối sống, kĩ năng sống, giáo dục pháp luật, giáo dục phòng chống các tệ nạn xã hội, bạo lực học đường; phát huy hiệu quả các câu lạc bộ, các hoạt động giao lưu văn hóa, thể dục thể thao của giáo viên và học sinh.

Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

Mặc dù được quan tâm, đầu tư tuy nhiên, điều kiện CSVC phục vụ việc dạy và học trong nhà trường vẫn còn thiếu thốn; tình trạng vừa thiếu, vừa thừa giáo viên, nhân viên vẫn còn dẫn đến khó khăn trong phân công nhân sự; việc triển khai dạy học trực tuyến 10% theo qui định chưa thật khoa học, chưa thật hiệu quả; việc số hoá hồ sơ sổ sách vẫn còn hạn chế, chưa thực hiện triệt để.

2. Đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng

Ngoài việc thực hiện chính sách miễn học phí cho tất cả học sinh, trong học kì I nhà trường đã xét tặng học bổng từ các tổ chức xã hội, các trường đại học cho 55 học sinh; xét hỗ trợ bảo hiểm y tế cho 39 học sinh và hỗ trợ 01 học sinh gặp tai nạn giao thông. Ngoài ra, nhà trường cũng đã hỗ trợ sách vở, đồ dùng học tập bảo đảm điều kiện học tập tối thiểu cho học sinh khó khăn. Nhà trường thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với người dạy, người học là người dân tộc thiểu số.

Trường đã chỉ đạo và xây dựng kế hoạch thực hiện tốt công tác giáo dục hoà nhập cho học sinh tại lớp 10A09 và 11A14; quan tâm học sinh có khiếm khuyết về thể chất hoặc có hạn chế về năng lực học tập, tạo điều kiện thuận lợi để các em này cùng tham gia vào hoạt động chung của nhà trường. Thực hiện đầy đủ các hồ sơ liên quan đến công tác giáo dục hòa nhập, chế độ chính sách cho HS và GV đúng theo quy định.

3. Việc thực hiện chương trình Giáo dục Phổ thông

a) Quy mô trường, lớp, học sinh:

Đầu năm học, toàn trường có 45 lớp, 1879 học sinh, trong đó: khối 10: 15 lớp/625 học sinh; khối 11 có 15 lớp/619 học sinh; khối 12 có 15 lớp/635 học sinh. Cuối HKI, toàn trường có 1872, trong đó có 02 HS khuyết tật học hòa nhập (lớp 10A09 và 11A14), giảm 07 HS (giảm 03 HS ở khối 10 và giảm 04 HS ở khối 11). Cơ cấu lớp học như phụ lục 1 kèm theo.

b) Việc chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động giáo dục trong năm học đáp ứng yêu cầu và phù hợp với điều kiện cụ thể của đơn vị.

Để làm cơ sở chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trong năm học, Nhà trường đã cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết của Đảng, chỉ thị nhiệm vụ năm học của Bộ GDĐT, UBND tỉnh và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Sở, Ngành thành các kế hoạch, quy chế, hướng dẫn phù hợp với mục tiêu, yêu cầu nhiệm vụ và tình hình thực tế của đơn vị¹.

Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo và tình hình thực tế, các tổ chuyên môn đã xây dựng Kế hoạch dạy học các môn học của tổ chuyên môn (Phụ lục I – Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH); Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn (Phụ lục II – Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH)); Kế hoạch thực hiện giáo dục STEM/STEAM... để triển khai thực hiện nhiệm vụ giáo dục năm học 2025-2026 theo quy định.

Các kế hoạch của Nhà trường bám sát mục tiêu, yêu cầu cần đạt của CTGDPT 2018; phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường và đối tượng học sinh; đảm bảo tính linh hoạt, chủ động.

c) Việc triển khai thực hiện các nội dung CTGDPT 2018.

- Về xây dựng cơ cấu tổ chức lớp học: đối với khối 11 và khối 12, Nhà trường tiếp tục duy trì cơ cấu lớp học của năm học trước (*khối 10 chuyển lên khối 11; khối 11 chuyển lên khối 12*). Riêng khối 10, trên cơ sở khả năng đáp ứng, Nhà trường đã xây dựng 08 tổ hợp môn học lựa chọn để các em lớp 10 đăng ký, tạo điều kiện tối đa cho học sinh trong cá nhân hóa việc học và định hướng nghề nghiệp (*xem phụ lục 1 về Cơ cấu tổ chức lớp học cụ thể*).

- Để tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục, trên cơ sở nhiệm vụ năm học, số lượng giáo viên và các điều kiện đảm bảo, Nhà trường đã ban hành các quyết định phân công nhiệm vụ chuyên môn trên cơ sở đề xuất của tổ chuyên môn²; đảm bảo công bằng lao động, phù hợp với mục tiêu, yêu cầu nhiệm vụ. Thực hiện giảng dạy đủ số môn theo kế hoạch giáo dục; sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có để tổ chức dạy và học.

¹ Kế hoạch số 483/KH-THPT, ngày 09/9/2025 về Kế hoạch giáo dục năm học 2025-2026; Kế hoạch số 557/KH-THPT, ngày 20/9/2025 về Kế hoạch hoạt động chuyên môn năm học 2025-2026; Quyết định số 581/QĐ-THPT, ngày 27/9/2025 về ban hành Quy chế chuyên môn; Kế hoạch số 640/KH-THPT, ngày 24/10/2025 về Kế hoạch tổ chức kiểm tra, đánh giá năm học 2025-2026; Kế hoạch số 423/KH-THPT, ngày 06/8/2025 về tổ chức sinh hoạt chính trị đầu khóa học cho học sinh năm học 2025-2026; Kế hoạch số 486/KH-THPT, ngày 09/9/2025 về công tác tư vấn tâm lý học đường năm học 2025-2026; Kế hoạch số 494/KH-THPT, ngày 11/9/2025 về Công tác chủ nhiệm năm học 2025-2026; Kế hoạch số 543/KH-THPT, ngày 12/9/2025 về thực hiện nhiệm vụ công tác học sinh năm học 2025-2026.

² Quyết định số 468/QĐ-THPT, ngày 29/8/2025 về việc phân công viên chức trường THPT Nguyễn Hùng Sơn thực hiện nhiệm vụ chuyên môn năm học 2025-2026; Quyết định số 569/QĐ-THPT, ngày 23/9/2025 về việc điều chỉnh, bổ sung phân công nhiệm vụ chuyên môn năm học 2025-2026; Quyết định số 650/QĐ-THPT, ngày 31/10/2025 về việc điều chỉnh phân công nhiệm vụ chuyên môn đối với thầy Nguyễn Trọng Liêm; Quyết định số 07/QĐ-THPT, ngày 10/01/2026 về việc điều chỉnh phân công nhiệm vụ chuyên môn năm học 2025-2026.



- Các tổ chuyên môn và GV đã tăng cường đổi mới phương pháp dạy học, nghiên cứu bài học, dạy minh họa nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của học sinh; tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học; đa dạng các hình thức tổ chức dạy học (trong và ngoài lớp học, trong và ngoài khuôn viên nhà trường, trực tiếp, trực tuyến) nhằm thúc đẩy hứng thú học tập của học sinh; bảo đảm cân đối giữa trang bị kiến thức, rèn luyện kỹ năng và định hướng thái độ, hành vi cho học sinh; chú ý việc tổ chức dạy học phân hoá theo năng lực của học sinh dựa theo yêu cầu cần đạt của CTGDPT 2018. Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với nội dung bài học.

- Tiếp tục đổi mới hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập (KTTX, KTĐK) và rèn luyện của học sinh. Nhà trường chỉ đạo và tổ chức chặt chẽ, nghiêm túc ở tất cả các khâu. Công tác xây dựng ma trận, đặc tả, ra đề và hướng dẫn chấm, coi kiểm tra được thực hiện nghiêm túc, khoa học, phù hợp thực tiễn của mỗi bộ môn, của trường và theo định hướng thi tốt nghiệp năm 2025 của Bộ GDĐT và hướng dẫn của Sở GDĐT. Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện theo kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn. Kiểm tra định kỳ được tổ chức tập trung do Nhà trường tổ chức theo Kế hoạch số 640/KH-THPT ngày 24/10/2024 và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Sở GDĐT; đảm bảo trung thực, khách quan, công bằng, đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của học sinh.

d) Việc tổ chức dạy và học ngoại ngữ, nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn:

Thực hiện Chương trình GDPT 2018, Nhà trường tổ chức dạy học môn Tiếng Anh đối với 45/45 lớp học với thời lượng 105 tiết/lớp/năm học. Nhà trường đã chỉ đạo tổ Ngoại ngữ nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh; trong tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ, có tổ chức kiểm tra, đánh giá phần nghe, nói nhằm đánh giá toàn diện năng lực Tiếng Anh của từng học sinh; có giải pháp từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai.

Bên cạnh thực hiện nội dung, chương trình giáo dục chính khóa, các tổ chuyên môn đã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện bồi dưỡng học sinh giỏi nhằm đáp ứng mục tiêu cá nhân hóa học tập của học sinh có năng khiếu, nâng cao chất lượng mũi nhọn³. Để đánh giá kết quả công tác bồi dưỡng và tạo điều kiện cho học sinh có sát trước khi bước vào kỳ thi chính thức do Sở GDĐT tổ chức, Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch số 715/KH-THPT, ngày 08/12/2025 về Tổ chức thi chọn học sinh giỏi cấp trường năm học 2025-2026. Qua kỳ thi, Nhà trường đã khen thưởng 43 học sinh đạt giải và chỉ đạo các tổ chuyên môn thực hiện đánh giá, rút kinh nghiệm trong công tác bồi dưỡng của GV và học tập của HS để có biện pháp nâng cao hiệu quả công tác dạy học bồi dưỡng HSG.

đ) Thông kê chất lượng Giáo dục:

Kết quả các bộ môn, hoạt động giáo dục (môn) HKI năm học 2025-2026 so với HKI năm học 2024-2025: Từ mức đạt trở lên, có 10/18 môn có kết quả bằng

³ Số tiết bồi dưỡng HSG trong HKI của các môn học: Toán: 122 tiết; Vật lí: 96 tiết; Hóa học: 120 tiết; Sinh học: 44 tiết; Tin học: 133 tiết; Ngữ văn: 131 tiết; Lịch sử: 72 tiết; Địa lí: 126 tiết; Tiếng Anh: 132 tiết.

và vượt; 08/18 môn có kết quả thấp hơn. Mức khá, tốt có 06/13 môn có kết quả cao hơn; 07/13 môn có kết quả thấp hơn (*Chi tiết xem Phụ lục 2*).

Kết quả rèn luyện: loại tốt đạt 94,65%, loại khá đạt 5,35%. So với HKI năm học 2024-2025, loại tốt tăng 2,44%, loại khá giảm 1,22%, loại đạt giảm 1,11%, loại chưa đạt giảm 0,16%⁴

Kết quả học tập: loại tốt đạt 12,20%; loại khá đạt 49,06%, loại đạt đạt 33,65% và loại chưa đạt đạt 5,08%. So với HKI năm học 2024-2025, loại tốt tăng 1,54%, loại khá giảm 4,01%, loại đạt giảm 0,33%, loại chưa đạt tăng 2,80%.

(Xem chi tiết kết quả về học tập và rèn luyện tại phụ lục 3)

e) Công tác khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục (Đánh giá những việc làm được và hạn chế trong thực hiện công tác KĐCLGD như thực hiện quy trình tự đánh giá, kiểm tra công tác cải tiến chất lượng sau tự đánh giá,..., đề xuất giải pháp thời gian tới).

Nhà trường đã quan tâm triển khai công tác khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục theo các quy định; thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh; xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện quy trình tự đánh giá chất lượng giáo dục theo bộ tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục phổ thông. Hội đồng tự đánh giá được thành lập và phân công nhiệm vụ cụ thể; công tác thu thập minh chứng, tự đánh giá các tiêu chí được triển khai theo kế hoạch, từng bước hình thành hệ thống hồ sơ phục vụ công tác kiểm định chất lượng giáo dục. Trên cơ sở kết quả tự đánh giá, nhà trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng, gắn với điều kiện thực tế và định hướng phát triển của đơn vị.

Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

Tuy nhiên, công tác kiểm định chất lượng giáo dục vẫn còn một số hạn chế. Việc thu thập, cập nhật và hệ thống hóa minh chứng ở một số tiêu chí chưa thật sự đầy đủ, kịp thời; tiến độ thực hiện một số nội dung trong quy trình tự đánh giá còn chậm so với kế hoạch. Công tác theo dõi, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng sau tự đánh giá chưa được thực hiện thường xuyên; một bộ phận cán bộ, giáo viên chưa thực sự chủ động, sâu sát trong việc tham gia công tác kiểm định chất lượng giáo dục.

Trong thời gian tới, nhà trường tiếp tục tăng cường chỉ đạo, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, giáo viên về công tác khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục; rà soát, hoàn thiện quy trình tự đánh giá, bảo đảm đúng tiến độ và chất lượng. Đồng thời, chú trọng bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ tham gia công tác kiểm định; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý minh chứng, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá. Trên cơ sở đó, từng bước nâng cao hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

⁴ Số liệu về kết quả rèn luyện tạm tính đến 17/01/2026.

g) Việc tăng cường điều kiện đảm bảo và sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý và trong dạy học...

Thực hiện chỉ đạo của Ngành, Nhà trường đã xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 568/KH-THPT, ngày 23/9/2025 về ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số (CĐS) trong trường THPT Nguyễn Hùng Sơn năm 2025; Kế hoạch số 619/KH-THPT, ngày 20/10/2025 về Phát động phong trào thi đua "Trường THPT Nguyễn Hùng Sơn thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số". Trong tổ chức thực hiện chương trình giáo dục, Nhà trường cũng cụ thể hóa nội dung ứng dụng CNTT, CĐS vào kế hoạch giáo dục, kế hoạch hoạt động chuyên môn qua điện tử hóa hồ sơ, sổ sách và nhiệm vụ dạy học trực tuyến⁵.

Đề tạo điều kiện cho viên chức, học sinh trong thực hiện ứng dụng CNTT, CĐS vào công tác, giảng dạy, học tập, Nhà trường đã lắp đặt hệ thống mạng internet cho tất cả các phòng làm việc, phòng học; 45/45 phòng học của 45 lớp được trang bị tivi thông minh có kết nối internet, trong đó có 15 phòng học của khối 12 theo tiêu chuẩn phòng học tiên tiến. Bên cạnh đó, các nền tảng, phần mềm phục vụ cho ứng dụng CNTT, CĐS vào quản lý, dạy học cũng được Nhà trường mua/hợp đồng bản quyền sử dụng như quản lý dạy học trên nền tảng vnedu.vn; dạy học trực tuyến và chấm bài trắc nghiệm trên nền tảng olm.vn và các phần mềm về quản lý tài chính, tài sản, kiểm định chất lượng giáo dục, xếp thời khóa biểu, biên soạn đề kiểm tra.... Các nền tảng số miễn phí như Gmail, Google Drive, Zalo... cũng được các tổ chức, bộ phận, cá nhân khai thác, sử dụng có hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành và thực hiện nhiệm vụ được giao.

h) Đổi mới công tác giáo dục hướng nghiệp, giáo dục nghề phổ thông thiết thực, linh hoạt, phù hợp với thực tiễn của đơn vị.

Trường đã chủ động triển khai theo hướng thiết thực, linh hoạt, gắn với điều kiện thực tiễn của nhà trường và nhu cầu của học sinh. Nhà trường tổ chức lồng ghép nội dung giáo dục hướng nghiệp trong các môn học, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và sinh hoạt tập thể; đồng thời tăng cường tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho học sinh trên cơ sở năng lực, sở thích và điều kiện học tập cụ thể. Việc tổ chức giáo dục nghề phổ thông được thực hiện linh hoạt về hình thức, chú trọng các ngành nghề phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên và định hướng phân luồng học sinh sau THPT. Thông qua các hoạt động trải nghiệm thực tế, tư vấn tuyển sinh, phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đơn vị sử dụng lao động, công tác giáo dục hướng nghiệp của nhà trường từng bước nâng cao hiệu quả, giúp học sinh có nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, chủ động lựa chọn con đường học tập và phát triển phù hợp sau khi tốt nghiệp.

4. Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục bảo đảm đủ số lượng và nâng cao về chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới GDĐT.

⁵ Trong HKI, toàn trường đã thực hiện 1781 tiết dạy học trực tuyến; 6611 tiết giảng có sử dụng bài giảng điện tử, ứng dụng CNTT; hồ sơ đã thực hiện điện tử hóa gồm: sổ điểm, sổ ghi đầu bài, kế hoạch dạy học – lịch báo giảng; sổ chủ nhiệm, học bạ, các văn bản và thông tin chỉ đạo, điều hành qua các nền tảng số.

Nhà trường luôn quan tâm công tác nâng cao chất lượng đội ngũ nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; chủ động rà soát cơ cấu đội ngũ theo môn học, vị trí việc làm; tạo điều kiện cho giáo viên, cán bộ quản lý tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Hiện có 26/91 GV có trình độ Thạc sỹ, đạt tỷ lệ 28,6%; 05 GV đang theo học sau đại học; 01 GV có trình độ LLCT cao cấp, 09 GV có trình độ LLCT trung cấp. Đội ngũ viên chức cơ bản đáp ứng yêu cầu giảng dạy và quản lý ở trường học; có phẩm chất chính trị, đạo đức và lối sống tốt, làm việc tận tụy, tâm huyết với nghề; đa số có ý thức học tập nâng cao trình độ, có trách nhiệm trong thực thi công vụ và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và bồi dưỡng thường xuyên được quan tâm, khuyến khích giáo viên tự giác và tích cực học tập. Công tác sinh hoạt chuyên môn, nghiên cứu bài học, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy học, quản lý được chú trọng triển khai. Qua đó, đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý từng bước nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm và khả năng thích ứng với yêu cầu đổi mới giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của Nhà trường.

5. Việc bố trí, phân bổ ngân sách nhà nước và huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho giáo dục

a) Việc đổi mới quản lý tài chính

Nhà trường thực hiện quản lý tài chính theo đúng quy định; áp dụng phần mềm kế toán và thực hiện 100% thu – chi không dùng tiền mặt; đảm bảo mọi nguồn kinh phí được sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả.

b) Việc đầu tư CSVC, thiết bị, thư viện trường học đảm bảo hoạt động GDĐT

Trong học kì I, nhà trường đã tổ chức mua sắm bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị theo đề nghị của các tổ chuyên môn và các bộ phận trong nhà trường, đáp ứng yêu cầu dạy và học; trang bị wifi các dãy phòng học toàn trường để phục vụ dạy học số; bổ sung thiết bị tối thiểu phục vụ công tác chuyển đổi số trong các hoạt động quản lý và dạy học; đã tổ chức sửa chữa nhà vệ sinh giáo viên từ nguồn kinh phí bổ sung theo kế hoạch của UBND tỉnh. Trường cũng đã tổ chức rà soát, có kế hoạch và tham mưu sửa chữa, đầu tư cơ sở vật chất, bảo đảm thiết bị dạy học trong thời gian tới.

c) Tình hình ngân sách đầu tư cho GDĐT

Trường thực hiện đảm bảo giải ngân đúng tiến độ các khoản lương, phụ cấp và kinh phí chi thường xuyên. Nguồn vốn đầu tư sửa chữa được thực hiện đúng quy trình, giám sát chặt chẽ, đảm bảo chất lượng công trình.

d) Công tác huy động xã hội hóa giáo dục

Trong học kỳ I, nhà trường đã tiếp nhận 87.018.920 đồng cho nguồn khuyến học, khuyến tài. Đã xét duyệt và chi 31.712.160 đồng. Ngoài ra, trong học kì I nhà trường đã xét tặng học bổng hỗ trợ trực tiếp từ các tổ chức xã hội, các trường



đại học cho 55 học sinh với số tiền là 45.000.000 đồng. Hiện tại quỹ khuyến học, khuyến tài của nhà trường tồn 55.306.760 đồng

6. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục quốc phòng an ninh và giáo dục thể chất, y tế trường học

Nhà trường triển khai, tổ chức thực hiện tốt các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Đảng ủy phường Rạch Giá, Sở GDĐT về công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đến toàn thể đảng viên, viên chức và học sinh. Đảng ủy, lãnh đạo trường đã tổ chức nghiêm túc, hiệu quả đợt bồi dưỡng chính trị hè 2025.

Đoàn trường và các tổ chuyên môn đã tổ chức nhiều hoạt động ý nghĩa, bổ ích cho học sinh trong các buổi sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt tập thể: tổ chức tốt hoạt động “Tuần sinh hoạt tập thể” đầu năm học mới gắn với tuyên truyền về Điều lệ trường trung học; nội quy học sinh; lịch sử và truyền thống nhà trường; thực hiện 12 chuyên đề ôn truyền thống các ngày lễ, hoạt động trải nghiệm văn học; hội diễn văn nghệ; phổ biến kiến thức pháp luật; tổ chức nhiều cuộc thi văn nghệ, thể dục thể thao; tổ chức cho học sinh tham gia các cuộc thi về An toàn giao thông; “Thiết kế lồng đèn trung thu” tặng thiếu nhi khó khăn trên địa bàn; “Tham gia phong trào vệ sinh đường phố- Chủ nhật xanh”; Tuyên truyền phổ biến pháp luật về trật tự an toàn giao thông gắn với hưởng ứng Ngày pháp luật Việt Nam năm học 2025 – 2026; tổ chức diễn đàn “Xây dựng tình bạn đẹp – Nói không với bạo lực học đường”...., qua đó phát huy được các năng lực, sở trường của học sinh, đồng thời tạo môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện.

Công tác giáo dục quốc phòng, an ninh (QPAN); giáo dục thể chất (GDTC) và y tế trường học được đơn vị coi trọng. Tổ chức học tập môn Giáo dục QPAN, GDTC nghiêm túc, đúng quy định.

Nhà trường đã triển khai nhiệm vụ năm học 2025 - 2026 gắn với chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh; bảo đảm tổ chức dạy và học an toàn. Nhà trường có phòng Y tế học đường; có tủ thuốc với hơn 50 loại thuốc, đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh. 100% HS tham gia BHYT và được chăm sóc sức khỏe ban đầu kịp thời, hưởng chế độ BHYT theo quy định.

7. Việc nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo

Nhà trường luôn quan tâm tạo điều kiện cho GV tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, LLCT. Hiện có 26/91 viên chức có trình độ Thạc sĩ, đạt tỷ lệ 28,6%; có 05 GV đang theo học sau đại học. Có 01 GV có trình độ LLCT cao cấp; 09 GV có trình độ LLCT trung cấp.

Nhà trường luôn tạo điều kiện để giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia các buổi tập huấn, hội thảo chuyên môn do Sở GDĐT tổ chức để nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.

8. Công tác hội nhập quốc tế trong giáo dục

Nhà trường tăng cường đổi mới công tác quản trị nhà trường, ứng dụng CNTT, chuyển đổi số theo hướng hội nhập quốc tế trong giáo dục. Tăng cường việc đổi mới phương pháp giảng dạy, bồi dưỡng năng lực kỹ năng thực hành Tiếng Anh cho các em học sinh, nhất là qua các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, thi IOE, thi hùng biện Tiếng Anh cụm 4 cấp tỉnh, tạo môi trường giao tiếp, sân chơi bổ ích giúp các em học sinh tự tin, cải thiện các kỹ năng giao tiếp Tiếng Anh áp dụng một cách hiệu quả vào việc học và thực tế đời sống. Nâng cao chất lượng đào tạo Tiếng Anh tại đơn vị nhằm hưởng ứng tốt đề án theo Quyết định số 2371/QĐ-TTg ngày 27/10/2025 của Thủ tướng chính phủ “Đưa Tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến 2045”.

9. Việc đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính trong toàn ngành

Nhà trường đã triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử trên nền tảng vnedu.vn gồm: Sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, sổ ghi đầu bài điện tử; triển khai văn bản nội bộ; kế hoạch bài học; thực hiện quản lý nề nếp, kết nối, tương tác giữa cha mẹ học sinh và nhà trường. Triển khai dạy học trực tuyến trên nền tảng olm.vn. Nhà trường triển khai hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt trong giáo dục; thực hiện trực tuyến về đăng ký, xét tuyển trong tuyển sinh; thực hiện các khoản thu bằng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

Trường triển khai các văn bản vi phạm pháp luật của ngành đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh thông qua hộp thư điện tử, bảng thông báo, họp hội đồng, sinh hoạt chủ nhiệm... Thực hiện cập nhật, niêm yết công khai TTHC của đơn vị tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trên trang mạng thông tin điện tử theo đúng quy định; Trường ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng hoạt động tiếp nhận, xử lý và trả kết quả hồ sơ TTHC đảm bảo đúng thời gian quy định. Tổ chức thực hiện nghiêm các thủ tục hành chính đã được công bố.

Học kỳ I năm học 2025 – 2026, Văn phòng trường đã tiếp nhận và giải quyết các hồ sơ đảm bảo đúng quy trình, lịch hẹn. Cụ thể: 03 hồ sơ chuyển trường đi, 04 hồ sơ chuyển trường đến; rút hồ sơ 02; phát 78 bằng TN THPT; bảo lưu kết quả học tập 04; trích lục và xác nhận 10 hồ sơ học tập; xử lý 195 đơn phúc khảo bài kiểm tra định kỳ.

Thư viện nhà trường trên môi trường số chưa đạt yêu cầu và hiệu quả. Thiếu nguồn tư liệu, nhân viên thư viện kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ, chưa đầu tư nhiều vào công tác thư viện.

Hiện nay trường vẫn còn giáo viên chưa đăng ký chữ ký số; sổ ghi đầu bài số trên hệ thống quản lý vnedu.vn chưa được ký đầy đủ.

10. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Để triển khai thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra nội bộ, trường THPT Nguyễn Hùng Sơn đã ban hành Kế hoạch số 629/QĐ-THPT, ngày 21/10/2025 về Thanh tra nội bộ năm học 2025-2026.

Theo Kế hoạch số 629/QĐ-THPT, ngày 21/10/2025, công tác kiểm tra hoạt động sư phạm của nhà giáo được giao cho tổ chuyên môn phân kỳ thực hiện trong HKI và HKII của năm học⁶; đối với các đối tượng và nội dung còn lại của Kế hoạch được phân kỳ thực hiện như sau:

+ Đợt 1 (Học kỳ I): kiểm tra các tổ chuyên môn Toán, Vật lý-CNCN, Hóa học, Sinh-CNCN và Tin học. Thời gian thực hiện: từ 26/01 đến 01/02/2026.

+ Đợt 2 (Học kỳ II): kiểm tra các tổ chuyên môn Ngữ văn, Sử-Địa-KTPL, Ngoại ngữ, GDTC-QPAN và tổ Văn phòng. Thời gian thực hiện: từ 02/03 đến 08/03/2026.

Qua các cuộc kiểm tra nội bộ đã thực hiện, các tổ chức, bộ phận và cá nhân được kiểm tra thực hiện khá tốt nhiệm vụ được giao theo chức năng, nhiệm vụ; không phát hiện các sai phạm; một số hạn chế đã được khắc phục kịp thời. Công tác kiểm tra nội bộ đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm, phát huy năng lực công tác của viên chức.

11. Công tác truyền thông giáo dục

Trường đẩy mạnh truyền thông nhà trường qua website nhà trường- <http://thptnguyenhungson.edu.vn>, trang Văn phòng điện tử, Fanpage của Đoàn trường, zalo nhóm... Nhà trường Sử dụng các kênh thông tin trên nền tảng số như email, zalo nhóm, Vnedu, Google Meet, Microsoft Team, Fanpage tổ chuyên môn... để thực hiện trao đổi, hội họp, triển khai văn bản. Hơn 80% hồ sơ công việc tại đơn vị được giao dịch và giải quyết trên môi trường số.

12. Việc thực hiện các phong trào thi đua

Học kỳ I năm học 2025-2026, đơn vị đã triển khai đầy đủ các văn bản về công tác thi đua, khen thưởng đến toàn thể viên chức- người lao động nhà trường; Tiếp tục hoàn thiện Bộ tiêu chí thi đua của đơn vị; cụ thể hóa các hoạt động, phong trào thi đua của ngành, của tỉnh thành các kế hoạch phù hợp với điều kiện của nhà trường; tổ chức phát động phong trào thi đua trong Hội nghị Viên chức- Người lao động vào đầu năm học tạo được khí thế thi đua, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ trong toàn thể viên chức-nhân viên-người lao động⁷.

Trong học kỳ I, có trên 90% viên chức, người lao động và học sinh đăng ký tham gia các hoạt động thi đua của trường. Có 35 viên chức tham gia viết 42 sáng

⁶ Trong HKI, các tổ CM đã thực hiện kiểm tra hoạt động sư phạm của nhà giáo đối với 12 GV, xếp loại tốt 12/12-100%, trong đó: Toán: Cô Dương Thị Huyền, cô Nguyễn Thị Nghĩa; Vật lý-CNCN: thầy Nguyễn Trương Đức Tuấn; Tin học: cô Nguyễn Thị Ni; Hóa học: cô Nguyễn Thị Kim Tư; Sinh học-CNNN: cô Cao Kim Thương; Ngữ văn: thầy Nguyễn Hồng Quân; Sử-Địa-KTPL: cô Danh Thị Thúy Hằng, cô Trịnh Thị Hương; Ngoại ngữ: cô Phạm Thị Lan Huyền, cô Nguyễn Thảo Phương; tổ GDTC-QPAN: thầy Danh Minh Vũ.

⁷ Kế hoạch thi đua chuyên đề chuyển đổi số 626/KH-THPT ngày 21/10/2025 của nhà trường; Kế hoạch thi đua chuyên đề số 634/KH-THPT ngày 22/10/2025 “Duy trì và nâng cao chất lượng thi tốt nghiệp năm 2026”; Kế hoạch thi đua chuyên đề số 633/KH-THPT ngày 22/10/2025 của nhà trường về “Nhà trường xanh, trường học sạch” năm học 2025-2026; Kế hoạch thi đua chuyên đề số 620/KH-THPT ngày 20/10/2025 của nhà trường về “Đẩy mạnh công tác giáo dục đạo đức học sinh” năm học 2025-2026; Kế hoạch thi đua số 712/KH-THPT ngày 04/12/2025 của nhà trường về hưởng ứng cuộc thi “An toàn giao thông nụ cười ngày mai” dành cho giáo viên và học sinh năm học 2025-2026.

kiến giải pháp đã được Hội đồng thẩm định sáng kiến thẩm định và thông nhất bỏ phiếu và được gửi đi cho Hội đồng chấm sáng kiến của Sở GDĐT xét chấm công nhận. Các phong trào thi đua với nhiều hình thức phong phú, đa dạng đều mang lại hiệu quả, góp phần quan trọng vào việc thực hiện nhiệm vụ chung của nhà trường. Đơn vị cũng mới tham gia Hội nghị ký kết giao ước thi đua Khối I, tại đơn vị khối trường là Trường THPT Giồng Riềng.

Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

Năm học 2025-2026, còn triển khai việc thi đua khối chậm so với các năm học trước, ký kết thi đua khối thực hiện ở tháng 01/ 2026 nên việc triển khai thi đua ít nhiều bị ảnh hưởng. Công tác giám sát việc thực hiện các tiêu chí thi đua của viên chức, người lao động còn có lúc chưa sâu sát.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu

Nhóm chỉ tiêu về đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá; duy trì sĩ số; phong trào thi đua; hướng nghiệp; giáo dục thể chất; y tế học đường; trật tự an ninh trường học cơ bản đảm bảo.

Nhóm chỉ tiêu về nâng cao chất lượng giáo dục còn nhiều chỉ tiêu chưa đạt.

Nhóm chỉ tiêu về chuyển đổi số, dạy học trực tuyến cũng còn một số hạn chế.

2. Những việc làm được

- Nhà trường chủ động trong việc thực hiện chương trình; nâng cao hiệu quả công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, kỹ năng sống, các hoạt động trải nghiệm cho học sinh, tăng cường an ninh, an toàn trường học.

- Nhà trường triển khai mạnh mẽ công tác chuyển đổi số trong quản lý và dạy học. Trang bị tương đối đầy đủ hạ tầng để triển khai ứng dụng công nghệ thông tin.

3. Hạn chế và nguyên nhân

Trong nửa cuối năm 2025, nhà trường thực hiện chi trả tiền làm thêm giờ của giáo viên có phần chậm trễ. Nguyên nhân do thay đổi về cơ chế tài chính và việc thực hiện chính sách miễn học phí từ năm học 2025 – 2026, đồng thời việc còn sai sót trong báo cáo tiết dạy của nhiều giáo viên dẫn đến việc nhà trường gặp khó khăn trong việc cân đối ngân sách và chậm trễ trong thanh toán tiền dạy thêm giờ cho giáo viên.

Điều kiện cơ sở vật chất tuy được quan tâm nhưng chưa đáp ứng triển khai chương trình mới; chưa có đủ máy tính đảm bảo mỗi học sinh được học 1 máy vi tính. Thư viện nhà trường chưa có nguồn tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và yêu cầu của bạn đọc. Đặc biệt, sân trường thường xuyên ngập vào mùa mưa, gây khó khăn cho việc đi lại của giáo viên, học sinh cũng như giữ gìn vệ sinh trong khuôn viên trường.



Công tác chuyển đổi số có nhiều thay đổi, việc tổ chức số hoá hồ sơ sổ sách còn vướng mắc; việc tổ chức dạy học trực tuyến chưa thật khoa học dẫn đến chất lượng chưa cao.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2025-2026

Trên cơ sở kết quả đạt được của học kỳ I, năm học 2025 - 2026, trường THPT Nguyễn Hùng Sơn đề ra phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm trong học kỳ II gồm:

1. Tiếp tục tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông.

2. Tăng cường công tác chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học. Tiếp tục khai thác tốt các ứng dụng qua phần mềm quản lý Vnedu. Tổ chức có hiệu quả các bài dạy trực tuyến trên nền tảng Olm.vn. Thực hiện tốt kế hoạch chuyển đổi số của ngành và của trường.

3. Quan tâm bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên qua các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn, sinh hoạt chuyên môn trong và ngoài nhà trường. Phân công, bố trí giáo viên, nhân viên đúng theo vị trí việc làm và năng lực chuyên môn của từng cá nhân. Nêu cao vai trò tự chủ, chịu trách nhiệm của từng cá nhân, tổ chức trong nhà trường.

4. Tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Quan tâm thúc đẩy hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh chưa đạt trong học kỳ I. Tổ chức lớp ôn tập thi tốt nghiệp cho học sinh lớp 12.

5. Tiếp tục tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống; các hoạt động trải nghiệm cho học sinh. Làm tốt công tác tư vấn, hướng nghiệp trong hoạt động giáo dục, đặc biệt chú trọng công tác hướng nghiệp cho học sinh lớp 12; hoàn thành tốt việc đăng ký thi tốt nghiệp và tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2026. Chuẩn bị cho công tác tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2026-2027 theo chỉ đạo của Sở.

6. Tiếp tục tham mưu Sở GDĐT trong việc đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học, kiểm tra, đánh giá đáp ứng yêu cầu dạy và học chương trình mới cũng như yêu cầu chuyển đổi số của ngành./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT;
- Đảng ủy;
- Tổ chuyên môn;
- Các tổ chức đoàn thể, CMHS;
- CB, VC đơn vị;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Mai

PHỤ LỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC LỚP HỌC

Lớp	Số	Nhóm môn học lựa chọn				Cụm chuyên đề học tập			Ghi chú
		Vật lí	Hóa học	Tin học	Sinh học	Toán	Sinh học	Hóa học	
10A01	42	Vật lí	Hóa học	Tin học	Sinh học	Toán	Sinh học	Hóa học	Anh
10A02	40	Vật lí	Hóa học	Tin học	Sinh học	Toán	Sinh học	Hóa học	Toán
10A03	42	Vật lí	Hóa học	CNCN	Sinh học	Toán	CNCN	Hóa học	
10A04	42	Vật lí	Hóa học	CNCN	Sinh học	Toán	CNCN	Hóa học	
10A05	43	Vật lí	Hóa học	CNNN	Sinh học	Toán	CNNN	Hóa học	
10A06	36	Vật lí	Hóa học	CNNN	Địa	Toán	Vật lí	Hóa học	
10A07	37	Vật lí	Hóa học	CNNN	Địa	Toán	Vật lí	Hóa học	
10A08	42	Vật lí	Hóa học	Tin học	Mĩ thuật	Toán	Vật lí	Tin học	
10A09	37	Vật lí	Hóa học	Tin học	Mĩ thuật	Toán	Vật lí	Tin học	
10A10	43	Địa	KTPL	Tin học	Âm nhạc	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	
10A11	44	Địa	KTPL	Tin học	Âm nhạc	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Văn
10A12	43	Địa	KTPL	Tin học	Âm nhạc	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	
10A13	41	Địa	KTPL	CNNN	Âm nhạc	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	
10A14	45	Địa	KTPL	CNNN	Tin học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	
10A15	45	Địa	KTPL	CNNN	Tin học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	
11A01	42	Vật lí	Hóa học	Tin học	Sinh học	Toán	Vật lí	Hóa học	Anh
11A02	43	Vật lí	Hóa học	Tin học	Sinh học	Toán	Vật lí	Hóa học	Toán
11A03	45	Vật lí	Hóa học	Tin học	Sinh học	Toán	Vật lí	Hóa học	
11A04	46	Vật lí	Hóa học	Tin học	KTPL	Toán	Vật lí	Hóa học	
11A05	34	Vật lí	Hóa học	Tin học	Địa lí	Toán	Vật lí	Hóa học	
11A06	32	Vật lí	Hóa học	Tin học	Mỹ thuật	Toán	Vật lí	Hóa học	
11A07	34	Vật lí	Hóa học	Tin học	CNCN	Toán	Vật lí	Hóa học	
11A08	40	Vật lí	Địa lí	Tin học	Sinh học	Toán	Vật lí	Sinh học	
11A09	47	CNNN	Hóa học	Tin học	Sinh học	Toán	Hóa học	Sinh học	
11A10	39	CNNN	Hóa học	Địa lí	Sinh học	Toán	Hóa học	Sinh học	
11A11	43	Tin học	KTPL	Địa lí	Âm nhạc	Ngữ văn	KTPL	Địa lí	Văn

Lớp	Số	Nhóm môn học lựa chọn				Cụm chuyên đề học tập			Ghi chú
11A12	43	CNNN	KTPL	Địa lí	Sinh học	Ngữ văn	KTPL	Địa lí	
11A13	47	Tin học	KTPL	Địa lí	Âm nhạc	Ngữ văn	KTPL	Địa lí	
11A14	44	Tin học	KTPL	Địa lí	Mỹ thuật	Ngữ văn	KTPL	Địa lí	
11A15	34	Tin học	KTPL	Địa lí	CNCN	Ngữ văn	KTPL	Địa lí	
12A01	44	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Tin học	Toán	Vật lí	Hóa học	Anh
12A02	45	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Tin học	Toán	Vật lí	Hóa học	Toán
12A03	41	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Tin học	Toán	Vật lí	Hóa học	
12A04	46	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Tin học	Toán	Vật lí	Hóa học	
12A05	45	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Tin học	Toán	Vật lí	Hóa học	
12A06	46	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Tin học	Toán	Vật lí	Sinh học	
12A07	46	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Tin học	Toán	Vật lí	Sinh học	
12A08	46	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Tin học	Toán	Hóa học	Sinh học	
12A09	39	Địa lí	KTPL	Tin học	CNCN	Ngữ văn	Tin học	Địa lí	
12A10	39	Địa lí	KTPL	Tin học	CNCN	Ngữ văn	Tin học	Địa lí	Văn
12A11	40	Địa lí	KTPL	Tin học	CNCN	Ngữ văn	Tin học	Địa lí	
12A12	39	Địa lí	KTPL	Tin học	CNCN	Ngữ văn	Tin học	Địa lí	
12A13	39	Địa lí	KTPL	Tin học	CNCN	Ngữ văn	Tin học	Địa lí	
12A14	39	Địa lí	KTPL	Tin học	CNCN	Ngữ văn	Tin học	Địa lí	
12A15	40	Địa lí	KTPL	Tin học	CNCN	Ngữ văn	Tin học	Địa lí	

PHỤ LỤC 2: THỐNG KÊ KẾT QUẢ CÁC MÔN HỌC, HĐGD

So sánh với HKI năm học 2024-2025

STT	Môn	Mức Đạt trở lên			Mức Tốt, Khá		
		HKI	HKI	So sánh	HKI	HKI	So sánh
		2024-2025	2025-2026		2024-2025	2025-2026	
1	Toán học	88,76%	85,13%	-3,63%	57,32%	54,71%	-2,61%
2	Vật lí	95,13%	90,93%	-4,20%	60,54%	62,55%	2,00%
3	Hóa học	96,76%	92,61%	-4,16%	70,23%	65,80%	-4,43%
4	Sinh học	97,61%	98,04%	0,43%	75,05%	70,66%	-4,39%
5	Tin học	98,55%	98,84%	0,28%	82,55%	84,15%	1,60%
6	Ngữ văn	96,82%	92,09%	-4,73%	65,91%	51,98%	-13,93%
7	Lịch sử	99,42%	99,57%	0,16%	87,49%	91,07%	3,58%
8	Địa lí	97,06%	93,04%	-4,02%	70,12%	66,92%	-3,20%
9	Tiếng Anh	87,27%	88,98%	1,71%	49,63%	52,41%	2,78%
10	Công nghệ CN	100,00%	100,00%	0,00%	98,29%	97,42%	-0,87%
11	Giáo dục QPAN	99,89%	99,95%	0,05%	89,87%	99,73%	9,86%
12	Công nghệ NN	99,74%	100,00%	0,26%	93,94%	96,55%	2,61%
13	Giáo dục KT&PL	100,00%	99,24%	-0,76%	95,87%	84,26%	-11,61%
14	Giáo dục thể chất	99,95%	99,68%	-0,27%			
15	Âm nhạc	100,00%	100,00%	0,00%			
16	Mĩ thuật	100,00%	100,00%	0,00%			
17	Nội dung GDĐP	99,52%	100,00%	0,48%			
18	Hoạt động TNHN	99,95%	99,89%	-0,05%			

So sánh với chỉ tiêu năm học 2025-2026

STT	Môn	Mức Đạt trở lên			Mức Tốt, Khá		
		Chỉ tiêu	Kết quả HKI	So sánh	Chỉ tiêu	Kết quả HKI	So sánh
1	Toán học	89,10%	85,13%	-3,97%	55,00%	54,71%	-0,29%
2	Vật lí	97,50%	90,93%	-6,57%	66,50%	62,55%	-3,95%
3	Hóa học	98,00%	92,61%	-5,39%	75,00%	65,80%	-9,20%
4	Sinh học	99,50%	98,04%	-1,46%	79,00%	70,66%	-8,34%
5	Tin học	100%	98,84%	-1,16%	86,00%	84,15%	-1,85%
6	Ngữ văn	96,50%	92,09%	-4,41%	61,00%	51,98%	-9,02%
7	Lịch sử	100%	99,57%	-0,43%	96,00%	91,07%	-4,93%
8	Địa lí	99,00%	93,04%	-5,96%	84,00%	66,92%	-17,08%
9	Tiếng Anh	91,30%	88,98%	-2,32%	59,00%	52,41%	-6,59%
10	Công nghệ CN	100%	100,00%	0,00%	98,00%	97,42%	-0,58%
11	Giáo dục QPAN	100%	99,95%	-0,05%	98,00%	99,73%	1,73%
12	Công nghệ NN	100%	100,00%	0,00%	99,50%	96,55%	-2,95%
13	Giáo dục KT&PL	100%	99,24%	-0,76%	94,50%	84,26%	-10,24%
14	Giáo dục thể chất	100%	99,68%	-0,32%			
15	Âm nhạc	100%	100,00%	0,00%			
16	Mĩ thuật	100%	100,00%	0,00%			
17	Nội dung GDĐP	100%	100,00%	0,00%			
18	Hoạt động TNHN	100%	99,89%	-0,11%			



PHỤ LỤC 3: KẾT QUẢ RÈN LUYỆN, HỌC TẬP CỦA HỌC SINH

STT	Lớp	Số	Kết quả học tập				Kết quả rèn luyện			
			Tốt	Khá	Đạt	Chưa Đạt	Tốt	Khá	Đạt	Chưa Đạt
TỔNG CỘNG		1870	12,25%	48,98%	33,69%	5,08%	92,83%	5,56%	1,02%	0,59%
Khối 10		621	5,80%	35,59%	47,02%	11,59%	86,31%	11,43%	1,13%	1,13%
1	10A01	42	21,43%	61,90%	16,67%	0,00%	92,86%	2,38%	0,00%	4,76%
2	10A02	40	27,50%	62,50%	10,00%	0,00%	100,00%	0,00%	0,00%	0,00%
3	10A03	42	0,00%	35,71%	50,00%	14,29%	80,95%	19,05%	0,00%	0,00%
4	10A04	42	2,38%	47,62%	40,48%	9,52%	90,48%	9,52%	0,00%	0,00%
5	10A05	43	4,65%	37,21%	53,49%	4,65%	93,02%	6,98%	0,00%	0,00%
6	10A06	36	8,33%	25,00%	58,33%	8,33%	91,67%	8,33%	0,00%	0,00%
7	10A07	37	0,00%	35,14%	48,65%	16,22%	83,78%	16,22%	0,00%	0,00%
8	10A08	42	2,38%	21,43%	52,38%	23,81%	76,19%	23,81%	0,00%	0,00%
9	10A09	36	0,00%	19,44%	61,11%	19,44%	80,56%	16,67%	2,78%	0,00%
10	10A10	43	0,00%	23,26%	51,16%	25,58%	69,77%	20,93%	6,98%	2,33%
11	10A11	44	18,18%	75,00%	6,82%	0,00%	100,00%	0,00%	0,00%	0,00%
12	10A12	43	0,00%	11,63%	69,77%	18,60%	76,74%	20,93%	0,00%	2,33%
13	10A13	41	0,00%	26,83%	63,41%	9,76%	90,24%	7,32%	2,44%	0,00%
14	10A14	45	0,00%	26,67%	57,78%	15,56%	80,00%	8,89%	4,44%	6,67%
15	10A15	45	2,22%	22,22%	66,67%	8,89%	88,89%	11,11%	0,00%	0,00%
Khối 11		614	10,75%	52,12%	34,20%	2,93%	94,79%	3,42%	1,47%	0,33%
16	11A01	42	30,95%	52,38%	14,29%	2,38%	95,24%	4,76%	0,00%	0,00%
17	11A02	43	34,88%	62,79%	2,33%	0,00%	100,00%	0,00%	0,00%	0,00%
18	11A03	45	2,22%	71,11%	22,22%	4,44%	95,56%	4,44%	0,00%	0,00%
19	11A04	46	0,00%	41,30%	54,35%	4,35%	93,48%	2,17%	4,35%	0,00%
20	11A05	34	11,76%	44,12%	35,29%	8,82%	91,18%	2,94%	2,94%	2,94%
21	11A06	32	6,25%	37,50%	50,00%	6,25%	93,75%	3,13%	3,13%	0,00%
22	11A07	34	11,76%	55,88%	29,41%	2,94%	97,06%	2,94%	0,00%	0,00%
23	11A08	40	12,50%	52,50%	35,00%	0,00%	97,50%	2,50%	0,00%	0,00%
24	11A09	47	10,64%	74,47%	14,89%	0,00%	100,00%	0,00%	0,00%	0,00%
25	11A10	39	12,82%	38,46%	43,59%	5,13%	89,74%	7,69%	2,56%	0,00%
26	11A11	43	9,30%	60,47%	30,23%	0,00%	100,00%	0,00%	0,00%	0,00%
27	11A12	44	9,09%	50,00%	40,91%	0,00%	95,45%	2,27%	2,27%	0,00%
28	11A13	47	2,13%	29,79%	61,70%	6,38%	80,85%	12,77%	4,26%	2,13%
29	11A14	44	0,00%	50,00%	50,00%	0,00%	97,73%	2,27%	0,00%	0,00%
30	11A15	34	8,82%	55,88%	29,41%	5,88%	94,12%	2,94%	2,94%	0,00%
Khối 12		635	20,00%	59,06%	20,16%	0,79%	97,32%	1,89%	0,47%	0,31%
31	12A01	44	31,82%	63,64%	4,55%	0,00%	100,00%	0,00%	0,00%	0,00%
32	12A02	45	64,44%	35,56%	0,00%	0,00%	100,00%	0,00%	0,00%	0,00%
33	12A03	41	4,88%	63,41%	29,27%	2,44%	97,56%	2,44%	0,00%	0,00%
34	12A04	47	8,51%	65,96%	25,53%	0,00%	97,87%	2,13%	0,00%	0,00%
35	12A05	45	11,11%	51,11%	37,78%	0,00%	100,00%	0,00%	0,00%	0,00%
36	12A06	46	4,35%	56,52%	32,61%	6,52%	93,48%	2,17%	2,17%	2,17%
37	12A07	46	10,87%	69,57%	19,57%	0,00%	100,00%	0,00%	0,00%	0,00%
38	12A08	46	6,52%	60,87%	30,43%	2,17%	95,65%	2,17%	2,17%	0,00%
39	12A09	39	17,95%	71,79%	10,26%	0,00%	97,44%	2,56%	0,00%	0,00%
40	12A10	39	64,10%	30,77%	5,13%	0,00%	100,00%	0,00%	0,00%	0,00%
41	12A11	40	5,00%	72,50%	22,50%	0,00%	97,50%	2,50%	0,00%	0,00%
42	12A12	39	25,64%	46,15%	28,21%	0,00%	100,00%	0,00%	0,00%	0,00%
43	12A13	39	20,51%	53,85%	25,64%	0,00%	89,74%	5,13%	2,56%	2,56%
44	12A14	39	10,26%	69,23%	20,51%	0,00%	92,31%	7,69%	0,00%	0,00%
45	12A15	40	17,50%	75,00%	7,50%	0,00%	97,50%	2,50%	0,00%	0,00%

* Không tính 02 HS học hòa nhập ở lớp 10A9 và 11A14

PHỤ LỤC 4: SÁNG KIẾN, GIẢI PHÁP ĐƯỢC ÁP DỤNG

TT	Môn	TỔ	Sáng kiến, giải pháp đã và đang áp dụng ở HKI 25-26	Họ tên GV thực hiện
1	Vật lí	Vật lí - CNCN	Sử dụng AI tạo các thí nghiệm mô phỏng hỗ trợ trong dạy học môn Vật Lí.	Nguyễn Thành Công
2	Vật lí	Vật lí - CNCN	Rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh thông qua bài tập đồ thị, vận dụng chương Khí lí tưởng, Vật lí 12, Kết nối tri thức với cuộc sống.	Hồ Thị Mỹ Linh
3	Vật lí	Vật lí - CNCN	Ứng dụng Notebooklm để nâng cao hiệu quả dạy và học môn Vật lí	Vũ Văn Thành
4	HĐHN, TN	Vật lí - CNCN	Tăng cường hiệu quả giảng dạy HĐTN,HN	Huỳnh Ngọc Phương Thảo
5	HĐHN, TN	Vật lí - CNCN	Phát huy hiệu quả hoạt động Phòng Tư vấn học đường	Huỳnh Ngọc Phương Thảo
6	Hóa học	Hóa học	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI thiết kế học liệu số trong giảng dạy môn Hoá học nhằm tạo hứng thú cho học sinh khối 11	Nguyễn Thị Thủy
7	Hóa học	Hóa học	Phát triển năng lực khoa học tự nhiên thông qua dạy học khám phá hóa học 10	Trần Hồng Phượng
8	Hóa học	Hóa học	Phát triển NL định hướng nghề nghiệp trong HĐTN hướng nghiệp 2. Phát triển NL định hướng nghề nghiệp trong giảng dạy Hóa học cho hs k12	Mai Quỳnh Châu
9	Hóa học	Hóa học	Nâng cao kĩ năng sống cho học sinh THPT qua mô hình nhóm nghiên cứu kiến thức sinh tồn trình diễn trong giờ sinh hoạt chủ nhiệm tại lớp 11A03 trường THPT Nguyễn Hùng Sơn.	Nguyễn Ngọc Thủy
10	Hoá học		Phát triển năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo, năng lực thẩm mỹ cho học sinh lớp 12 thông qua mô hình dự án truyền thông-HĐTN 12	Nguyễn Thị Kim Tư
11	Sinh học	Sinh-CNNN	Tổ chức dạy học dự án trong giảng dạy chủ đề Chu kì tế bào và Nguyên phân nhằm phát triển năng lực tự học cho học sinh THPT	Vũ Thị Lan Anh
12	Ngữ văn	Ngữ văn	Tăng cường sử dụng công cụ trực quan sáng tạo để nâng cao hiệu quả giảng dạy Ngữ văn tại trường THPT Nguyễn Hùng Sơn (Lê Thị Kim Huệ); Một số biện pháp phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác của lớp chủ nhiệm 10A6 trường THPT Nguyễn Hùng Sơn (Hoàng Thị Thủy)	Lê Thị Kim Huệ- Hoàng Thị Thủy
13	Ngữ văn	Ngữ văn	Ứng dụng công nghệ nâng cao chất lượng dạy và học Chuyên đề Ngữ Văn ở trường THPT Nguyễn Hùng Sơn (Nguyễn Thị Điệp)	Nguyễn Thị Điệp



TT	Môn	Tổ	Sáng kiến, giải pháp đã và đang áp dụng ở HKI 25-26	Họ tên GV thực hiện
14	Ngữ văn	Ngữ văn	Nâng cao chất lượng môn Ngữ văn thông qua hoạt động tổ chức trò chơi trong giờ học (Lý Văn Tú Em)	Lý Văn Tú Em
15	Ngữ văn	Ngữ văn	1. Phát triển kỹ năng làm bài nghị luận văn học cho học sinh giỏi môn Ngữ văn tại Trường THPT Nguyễn Hùng Sơn theo định hướng năng lực. 2. Vận dụng hình sinh hoạt dưới cờ trong giáo dục truyền thống tôn sư trọng đạo nhằm phát triển năng lực tự học học sinh trường THPT Nguyễn Hùng Sơn. 3. Phát triển năng lực tự chủ và sáng tạo cho HS lớp 12A10 theo định hướng CTGD 2018... (Lê Thị Hòa)	Lê Thị Hòa
16	Ngữ văn	Ngữ văn	Tổ chức dạy học Viêt theo mô hình lớp học đảo ngược nhằm hình thành và phát triển năng lực tự học cho học sinh lớp 11 (Lương Diễm Nga) ; Ứng dụng công nghệ số trong tổ chức dạy học nói và nghe nhằm phát triển năng lực giao tiếp cho HS lớp 12 trường THPT Nguyễn Hùng Sơn" (Mai Thị Hồng Nhung).	Lương Diễm Nga-Mai Thị Hồng Nhung
17	Lịch sử	Sử-Địa-KTPL	Ứng dụng một số phần mềm trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ dạy - học môn Lịch sử	Nguyễn Văn An
18	Lịch sử	Sử-Địa-KTPL	Tổ chức trò chơi trong giờ học Lịch sử kết hợp sử dụng kỹ thuật 'Phòng triển lãm ảo' trong dạy học chủ đề Lịch sử thế giới nhằm thu hút sự hứng thú của học sinh khối 10 trường THPT Nguyễn Hùng Sơn.	Danh Thị Thúy Hằng
19	Địa lí	Sử-Địa-KTPL	Tích hợp định hướng nghề nghiệp cho học sinh thông qua dạy học môn Địa lí 12 tại trường THPT Nguyễn Hùng Sơn	Ngô Thị Hoa Xim
20	Địa lí	Sử-Địa-KTPL	Giúp học sinh ghi nhớ kiến thức Địa 12 qua hoạt động thực hành trên bản đồ.	Tô Y Pha
21	Địa lí	Sử-Địa-KTPL	Liên hệ thực tế phân tích ảnh hưởng của Toàn cầu hóa kinh tế và khu vực hóa kinh tế đối với nước Việt Nam trong chương trình Địa lí 11	Lê Mộng Thu
22	Địa lí	Sử-Địa-KTPL	Tích hợp các vấn đề toàn cầu vào dạy học Địa lí 11 nhằm phát triển năng lực công dân toàn cầu cho học sinh	Trần Thị Kim Anh
23	KTPL	Sử-Địa-KTPL	Phát triển kỹ năng thuyết trình cho học sinh trong giảng dạy môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật lớp 11 tại trường THPT Nguyễn Hùng Sơn	Võ Ngọc Trâm
24	KTPL	Sử-Địa-KTPL	Tích hợp năng lực số trong một số chuyên đề dạy học Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 12 tại trường THPT Nguyễn Hùng Sơn	Nguyễn Phương Đăng
25	KTPL	Sử-Địa-KTPL	Ngăn chặn bắt nạt học đường thông qua công tác chủ nhiệm lớp tại trường THPT Nguyễn Hùng Sơn	Nguyễn Phương Đăng
26	Thể dục	GDTC-QPAN	Một số bài tập giúp nâng cao kỹ thuật đá bóng bằng mu giữa bàn chân cho học sinh Trường THPT Nguyễn Hùng Sơn.	Phan Văn Chương

TT	Môn	Tổ	Sáng kiến, giải pháp đã và đang áp dụng ở HKI 25-26	Họ tên GV thực hiện
27	Thể dục	GDTC-QPAN	Ứng dụng một số bài tập phát triển thể lực cho học sinh lớp 12 Trường THPT Nguyễn Hùng Sơn	Huỳnh Hồng Thiên
28	Tiếng Anh	Ngoại ngữ	Giải pháp xây dựng tập thể lớp 11A8 đoàn kết qua việc tích cực tham gia các phong trào trường, lớp tại trường THPT Nguyễn Hùng Sơn.	Huỳnh Thị Cẩm Hằng
29	Tiếng Anh	Ngoại ngữ	Dạy Phonics cho học sinh lớp 10A14 tại trường THPT Nguyễn Hùng Sơn nâng cao hứng thú đọc với Tiếng Anh.	Phạm Thị Lan Huyền
30	Tiếng Anh	Ngoại ngữ	Nâng cao Kỹ năng Nghe Mở rộng (Extensive Listening) và Cải thiện Vốn từ vựng thông dụng cho học sinh THPT.	Phạm Thị Mận
31	Tiếng Anh	Ngoại ngữ	Một số biện pháp phát huy ý thức và đoàn kết trong tham gia phong trào có hiệu quả của lớp chủ nhiệm tại trường THPT Nguyễn Hùng Sơn.	Nguyễn Thảo Phương
32	Tiếng Anh	Ngoại ngữ	Bồi dưỡng và phát triển kỹ năng viết cho HS Lớp 11A11 trường THPT NHS	Lê Thị Mai Trâm

PHỤ LỤC 5: HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU BÀI HỌC, DẠY MINH HỌA

TT	Môn	Tổ	Nội dung
1	Toán học	Toán học	Bài Giới hạn hàm số (toán 11, thầy Phạm Ngọc Oánh)
2	Toán học	Toán học	Bài Hệ trục tọa độ trong không gian (toán 12, cô Vũ Thị Mùa)
3	Vật lí	Vật lí - CNCN	Định luật 2 Newton-môn VL10
4	CNCN	Vật lí - CNCN	Thiết kế và lắp đặt mạch điện-Môn CNCN 12
5	Hóa học	Hóa học	Bài 2: Cân bằng trong dung dịch nước
6	Hóa học	Hóa học	Bài 13: Cấu tạo hoá học hợp chất hữu cơ
7	Sinh học	Sinh-CNNN	Bài 12: Miễn dịch ở người và động vật
8	Tin học	Tin học	Ứng xử trên môi trường số. Nghĩa vụ tôn trọng bản quyền
9	Ngữ văn	Ngữ văn	Bài "Muối của rừng" (Lý Văn Tú Em)
10	Ngữ văn	Ngữ văn	Bài "Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của tuổi trẻ" (Lê Minh Thúy)
11	Ngữ văn	Ngữ văn	Bài "Nỗi buồn chiến tranh" (Nguyễn Thị Điệp)
12	Ngữ văn	Ngữ văn	Bài "Thuyền và biển" (Lê Thị Hòa)
13	Ngữ văn	Ngữ văn	Bài: "Sử dụng Điển tích, Điển cố" (Phạm Thị Mai)
14	Ngữ văn	Ngữ văn	Bài: "Viết báo cáo về VHDG" (Mai Thị Hồng Nhung)
15	Lịch sử	Sử-Địa-KTPL	Bài 5: Quá trình xâm lược và cai trị của chủ nghĩa thực dân ở Đông Nam Á (tiết 1) - Lịch sử 11
16	Địa lí	Sử-Địa-KTPL	Bài 14: Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế khu vực Tây Nam Á- Địa lý 11
17	KTPL	Sử-Địa-KTPL	Bài 7: Quản lý thu, chi trong gia đình-KTPL 12
18	Âm nhạc	Sử-Địa-KTPL	Bài đọc nhạc số 2- Âm nhạc 10
19	Thể dục	GDTC-QPAN	Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân - Bóng đá 10
20	Tiếng Anh	Ngoại ngữ	K10: Unit 4- For a better Community (cô Phạm Thị Mận)
21	Tiếng Anh	Ngoại ngữ	K11: Unit 5- Global Warming (cô Vũ Thị Dung)
22	Tiếng Anh	Ngoại ngữ	K12: Unit 5- The world of work (cô Lê Thị Mai Trâm)

PHỤ LỤC 6: VỀ SINH HOẠT CHUYÊN ĐỀ ĐỔI MỚI PPDH-KTĐG

TT	Môn	Tổ	Nội dung sinh hoạt chuyên đề đổi mới PPDH-KTĐG
1	Toán học	Toán học	<ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng Canva và Gemini trong thiết kế dạy mở đầu bài học (nhóm phụ trách cô Tĩnh, cô Tuyên, thầy Lễ, cô Mùa) - Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học toán lớp 11 (cô Bạch Phương Tĩnh triển khai); - Thực hiện giáo dục STEM chủ đề " Hypebol, thiết kế đèn ngủ"- Toán 10 (cô Nguyễn Thị Thu Hiền triển khai)
2	Vật lí	Vật lí - CNCN	Phân tích Ma trận và đề KTGK1 môn VL12
3	CNCN	Vật lí - CNCN	Phân tích Ma trận và đề KTGK1 môn CNCN12
4	Hóa học	Hóa học	Ứng dụng Heyzine thiết kế bài học tương tác
5	Hóa học	Hóa học	Tích hợp giáo dục hướng nghiệp thông qua một số bài học chương trình hóa học 12
6	Hóa học	Hóa học	Phát triển năng lực vận dụng kiến thức hóa học vào thực tiễn cuộc sống nhằm nâng cao ý thức tự bảo vệ sức khỏe cho học sinh
7	Sinh học	Sinh-CNNN	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo chuyên đề chia sẻ BDHSG năm 2024-2025 ở các trường THPT trong tỉnh An Giang - Rút kinh nghiệm kỳ thi THPT đối với môn Sinh học năm 2025
8	Tin học	Tin học	Định hướng ôn tập tốt nghiệp THPT năm 2026
9	Tin học	Tin học	Ứng dụng AI tạo một số sản phẩm học liệu số
10	Tin học	Tin học	Nhận xét, đánh giá, thảo luận nhóm
11	Ngữ văn	Ngữ văn	<ul style="list-style-type: none"> - Tái hiện tác phẩm văn học bằng các hình thức đa dạng và linh hoạt trong giảng dạy Ngữ văn - Chuyên đề: Phương pháp dạy học đa phương tiện với phần Đọc hiểu văn bản
12	Tiếng Anh	Ngoại ngữ	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đổi mới đồng bộ phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh - Chuyên đề: Sống thông minh trong thế giới công nghệ (Smart living in the tech world); - Chuyên đề "Phân tích Đề thi THPT 2025 và đưa ra giải pháp ôn luyện cho các em"

